

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày: 12/8/2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyền.

2. Ông Y Mung Niê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường B, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc; *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 24/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

+ Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số N, phường V, quận, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn D – Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 222A/2021/GUQ-PL ngày 28/01/2021 của Tổng giám đốc).

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hà Văn T – Phó phòng giao dịch phụ trách kinh doanh – Phòng giao dịch B (văn bản ủy quyền số 27 ngày 30/01/2021) – có mặt.

Địa chỉ: Số H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N – ông T có mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Hà Văn T trình bày:

Ngày 29/11/2019 ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đắk Lắk – PGD B ký hợp đồng cho vay số: LD1933300029 để vay số tiền 480.000.000 đồng, và hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1933300438 để vay số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là: 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư sản xuất Nông nghiệp – Tiêu dùng; Lãi suất vay trên hợp đồng cho vay số LD1933300029 ngày 29/11/2019: 10.9%/năm, dư nợ hiện tại: 480.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng. ngày trả nợ cuối cùng 29/11/2020. Lãi suất trên hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1933300438 tại thời điểm ký: 12%/năm; dư nợ hiện tại: 16.250.000 đồng; thời hạn vay: 24 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng 29/11/2021.

Dư nợ hiện còn: Tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022 là 693.441.127 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 496.250.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 143.849.910 đồng; tiền lãi quá hạn là 53.341.217 đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N đã ký Hợp đồng thế chấp số: 00831/2019/TC-BH ngày 29/11/2019. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số CS 048849 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/11/2019 cho ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N đứng tên quyền sử dụng. Thửa đất số: 2 (cũ: 32); Tờ bản đồ số: 70 (cũ: 60); Địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Diện tích: 7159.7m².

Đến nay ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết theo luật định buộc ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N phải trả đầy đủ số tiền: 693.441.127 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 496.250.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 143.849.910 đồng; tiền lãi quá hạn là 53.341.217 đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022. Đồng thời thu toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 13/8/2022 cho đến khi ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S – CN Đắk Lắk – PGD B theo hợp đồng cho vay số: LD1933300029, và hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1933300438 ngày 29/11/2019 đã ký.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N không trả trả hết nợ vay cho Ngân hàng, Đề nghị xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N theo quy định của Pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh có liên quan.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 29/11/2019 vợ chồng tôi (Nguyễn Văn T và Cao Thị Thanh N) có ký hợp đồng cho vay số: LD1933300029, và hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1933300438 với Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Đắk Lắk – PGD B để vay số tiền: 510.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư sản xuất Nông Nghiệp – Tiêu dùng; lãi suất vay trên GNN LD1933300029 ngày 29/11/2019: 10.9%/năm; thời hạn vay: 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng 29/11/2020. Lãi suất trên hợp đồng cho vay kiêm

giấy nhận nợ số LD1933300438 tại thời điểm ký: 12%/năm; thời hạn vay: 24 tháng; ngày trả nợ cuối cùng 29/11/2021.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên vợ chồng tôi đã ký Hợp đồng thế chấp số: 00831/2019/TC-BH ngày 29/11/2019 để đảm bảo cho khoản vay. Tài sản thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số CS 048849 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/11/2019 đứng tên Nguyễn Văn T và Cao Thị Thanh N; thửa đất số: 2 (cũ: 32); tờ bản đồ số: 70 (cũ: 60); Địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 7159.7m².

Do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, mất mùa, giá cả nông sản (cà phê, hồ tiêu...) xuống thấp, những cây trồng khác chúng tôi mới xuống giống như sầu riêng, bơ chưa đến thời kỳ thu hoạch nên chúng tôi chưa trả được nợ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Ông T thừa nhận đến thời điểm hiện tại vợ chồng ông còn nợ ngân hàng tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022 là 693.441.127 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 496.250.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 143.849.910 đồng; tiền lãi quá hạn là 53.341.217 đồng). Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả nợ dứt điểm toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thì nguyện vọng của ông T là đề nghị Ngân hàng cho thời gian để vợ chồng ông có điều kiện trả nợ dứt điểm cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà Cao Thị Thanh N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Cao Thị Thanh N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không ghi ý kiến của bà N được. Cũng như không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối với trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS. Đối với bị đơn bà Cao Thị Thanh N đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N với Ngân hàng TMCP S đúng quy định của pháp luật, Ngân hàng đã giao đủ tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký, ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc 496.250.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định

của pháp luật để thu hồi nợ. Trường hợp ông T, bà N trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải hoàn trả cho ông T, bà N giấy CNQSDĐ đã thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Cao Thị Thanh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Cao Thị Thanh N.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp về dân sự (tranh chấp hợp đồng tín dụng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3]. Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng:

Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải trả đầy đủ số tiền: 693.441.127 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 496.250.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 143.849.910 đồng; tiền lãi quá hạn là 53.341.217 đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022. Đồng thời, thu toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 13/8/2022 cho đến khi ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị Thanh N thanh toán hết nợ gốc theo hợp đồng cho vay số: LD1933300029, và hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1933300438 ngày 29/11/2019 đã ký.

Trường hợp ông T, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 00831/2019/TC-BH ngày 29/11/2019 đã ký để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N đã ký hợp đồng cho vay số: LD1933300029, và hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1933300438 ngày 29/11/2019 để vay số tiền 510.000.000 đồng, ngày đến hạn của hợp đồng cho vay số LD1933300029 là ngày 29/11/2020; ngày đến hạn của hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1933300438 là ngày 29/11/2021.

Để đảm bảo cho khoản vay ông T, bà N đã thế chấp tài sản đảm bảo tại Ngân hàng S theo Hợp đồng thế chấp số: 00831/2019/TC-BH ngày 29/11/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà N mới trả được số tiền gốc của hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1933300438 là 13.750.000 đồng, chưa trả thêm cho Ngân hàng S được khoản nợ gốc và lãi phát sinh nào của hai hợp đồng tín dụng nói trên. Đến nay các khoản vay của ông T, bà N đã chuyển nợ quá hạn từ thời điểm đến hạn trả nợ của hợp đồng tín dụng ngày 29/11/2020 và ngày 29/11/2021.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng đã ký là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất, trong thời hạn vay từ ngày 29/11/2019 cho đến nay ông T, bà N mới trả được số tiền gốc của hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1933300438 là 13.750.000 đồng, ngoài ra chưa trả cho Ngân hàng được khoản gốc và lãi phát sinh nào và vi phạm nghĩa

vụ thanh toán từ ngày 29/11/2020 và ngày 29/11/2021 theo hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 12/8/2022, theo hợp đồng tín dụng đã ký ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 693.441.127 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 496.250.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 143.849.910 đồng; tiền lãi quá hạn là 53.341.217 đồng). Quá trình giải quyết vụ án ông T thừa nhận gia đình ông còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 496.250.000 đồng và lãi phát sinh và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bị đơn bà Cao Thị Thanh N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành làm việc với các đương sự được.

Do ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ. Vì vậy buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền là 693.441.127 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 496.250.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 143.849.910 đồng; tiền lãi quá hạn là 53.341.217 đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022. Tiếp tục tính lãi và phí phát sinh từ ngày 13/8/2022 cho đến khi ông T, bà N thanh toán hết dư nợ gốc 496.250.000 đồng theo hợp đồng cho vay số: LD1933300029, và hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1933300438 ngày 29/11/2019 đã ký cho Ngân hàng, là phù hợp với Điều 463, Điều 466 BLDS.

Đối với Hợp đồng thế chấp số: 00831/2019/TC-BH ngày 29/11/2019, việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K là đúng theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành, nếu ông T, bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ, bao gồm tài sản sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số CS 048849 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/11/2019 đứng tên Nguyễn Văn T và Cao Thị Thanh N; thửa đất số: 2 (cũ: 32); tờ bản đồ số: 70 (cũ: 60); Địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 7159.7m².

Trường hợp ông T, bà N thanh toán hết số nợ thì Ngân hàng hoàn trả lại tài sản đã thế chấp cho ông T, bà N là phù hợp với Điều 317, Điều 320 BLDS.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải chịu. Ngân hàng đã tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 2.000.000 đồng và đã chi phí xong. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng chi phí tố tụng mà ông T, bà N phải chịu trong giai đoạn thi hành án.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng S không phải chi án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.590.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0003540 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải chịu 31.737.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 299; Điều 317; Điều 320, Điều 322, Điều 463 và Điều 466 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 693.441.127 đồng (trong đó nợ gốc là 496.250.000 đồng; lãi trong hạn là 143.849.910 đồng; lãi quá hạn là: 53.341.217 đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022. Tiếp tục tính lãi, và phí phát sinh từ ngày 13/8/2022 cho đến khi ông T, bà N thanh toán hết dư nợ gốc 496.250.000 đồng theo theo hợp đồng cho vay số: LD1933300029, và hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1933300438 ngày 29/11/2019 đã ký.

- Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp số: 00831/2019/TC-BH ngày 29/11/2019.

Trường hợp ông T, bà N thanh toán hết số nợ thì Ngân hàng S hoàn trả lại cho ông T, bà N tài sản đã thế chấp bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số CS 048849 do Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/11/2019 đứng tên Nguyễn Văn T và Cao Thị Thanh N; thửa đất số: 2 (cũ: 32); tờ bản đồ số: 70 (cũ: 60); địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 7159.7m².

- Về chi phí tố tụng: Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải chịu trong giai đoạn thi hành án.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị Thanh N phải chịu 31.737.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.590.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0003540 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái